TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị K và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung
2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trọng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: số 158 đường M, phường V, tỉnh Nghệ An, theo văn bản ủy quyền ngày 15/07/2025; đều vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn P 12, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn T năm 2011. Trước khi kết hôn, chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau

khi kết hôn, chị và anh T về chung sống cùng nhau ngay. Chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khi sinh con thì nẩy sinh mâu thuẫn. Từ năm 2018, chị đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Do khoảng cách địa lý quá xa nên vợ chồng ngày càng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Chị và anh T đã nhiều lần ngồi lại với nhau nói chuyện, cố gắng hàn gắn, thay đổi để tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình, nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T sinh được 02 con là Trần Thị Y, sinh ngày 26/03/2012 và Trần Thị Q, sinh ngày 30/10/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 con, chị đồng ý, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T 2.500.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi con chị trưởng T.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị K năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, chị K về nhà anh sinh sống ngay. Năm 2018, chị K đi làm ăn xa để lo kinh tế gia đình, anh chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Từ năm 2021, do khoảng cách địa lý và bất đồng quan điểm sống nên anh và chị K không liên lạc với nhau nữa. Việc này gia đình hai bên có biết, động viên K bảo nhưng không T. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị K xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị K sinh được 02 con như chị K đã trình bày. Ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả 02 con. Anh đồng ý chị K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con anh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung, giao cho anh T tiếp tục nuôi cả 02 con,

chị K phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T 5.000.000 đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Trần Văn T. Đây là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) ngày 18/10/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị K và anh T chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K xin ly hôn, anh T đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn T ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn T sinh được 02 con chung là con là Trần Thị Y, sinh ngày 26/03/2012 và Trần Thị Q, sinh ngày 30/10/2013, đều đang ở với anh T, vẫn ngoan, phát triển bình thường. Anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con, chị K đồng ý; các con đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với anh T. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cả 02 con cho anh Trần Văn T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn T 2.500.000 đồng (Hai triệu lăm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01con, anh T đồng ý. Căn cứ vào Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, buộc chị Nguyễn Thị K cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn T là 2.500.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001177ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (do anh Vi Văn Háo nộp thay). Chị Nguyễn Thị K còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T nuôi 02 con là con là Trần Thị Y, sinh ngày 26/03/2012 và Trần Thị Q, sinh ngày 30/10/2013. Chị Nguyễn Thị K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị K thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Nguyễn Thị K phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn T 2.500.000 đồng (Hai triệu lăm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 con, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001177 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị Nguyễn Thị K còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Đ- Bắc Ninh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân